ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 131 /2026/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng *9* năm 2026.

2. Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, ĐĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ + CV VP UBND tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Nguyễn Tự Công Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc thẩm định, thẩm định điều chỉnh và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quy trình này không áp dụng đối với dự án xây dựng công trình đặc thù theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; không áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thẩm định, thẩm định điều chỉnh và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện thẩm định, phê duyệt

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định cung cấp thông tin, dữ liệu về hồ sơ trình thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định không yêu cầu cung cấp các giấy tờ, thông tin có trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin về đất đai và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan khi các thông tin, dữ liệu này đã được cập nhật hoặc kết nối chia sẻ.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định chỉ chịu trách nhiệm về nội dung giải quyết thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật, không chịu trách nhiệm về quy trình thực hiện, nội dung, kết quả thực hiện của các văn bản pháp lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó; không chịu trách nhiệm về việc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan có liên quan thực hiện các bước tiếp theo không đúng với nội dung, yêu cầu đã nêu tại kết quả thẩm định.

Điều 4. Hồ sơ trình thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Cơ quan chuẩn bị dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trình cơ quan chủ trì thẩm định theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật số 135/2025/QH15.

2. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính.

3. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, gồm:

a) Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi (gồm phần thuyết minh và thiết kế xây dựng);

- Nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

- Tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định tổng mức đầu tư;

- Hồ sơ thiết kế công nghệ (đối với dự án có thiết kế công nghệ);

- Hồ sơ, giấy tờ về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Hồ sơ dữ liệu BIM theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nếu có);

- Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có);

- Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá (nếu có);

- Kết quả thẩm định của chủ đầu tư về các nội dung quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 30 Luật số 135/2025/QH15 đối với dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư (nếu có).

b) Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

- Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án;

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (gồm phần thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công); quy trình bảo trì, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có);

- Nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

- Tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định tổng mức đầu tư;

- Hồ sơ thiết kế công nghệ (đối với dự án có thiết kế công nghệ);

- Hồ sơ, giấy tờ về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Hồ sơ dữ liệu BIM theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nếu có);

- Kết quả thẩm định đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá (nếu có);

- Kết quả thẩm định của chủ đầu tư về nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 26 Luật số 135/2025/QH15;

- Văn bản phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn theo pháp luật về kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển);

- Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt và các bản vẽ quy hoạch có liên quan của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận; hồ sơ thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại

Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- Đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt có yêu cầu chấp thuận danh mục tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về đường sắt, hồ sơ trình thẩm định phải có văn bản chấp thuận danh mục tiêu chuẩn của cơ quan có thẩm quyền;

- Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan, ảnh hưởng đến kết cấu của công trình);

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư (nếu có).

Điều 5. Quy trình thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Hồ sơ trình thẩm định bị từ chối tiếp nhận trong các trường hợp sau:

a) Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo quy định (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định);

b) Không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định;

c) Hồ sơ trình thẩm định không hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quy trình này;

d) Bộ phận tiếp nhận phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

a) Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến cơ quan chuẩn bị dự án. Lấy ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có);

b) Có văn bản từ chối tiếp nhận thẩm định trong trường hợp xác định nội dung trong hồ sơ thẩm định khác nội dung nêu tại Văn bản đề nghị thẩm định dẫn đến việc từ chối thẩm định quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng việc thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi cơ quan chuẩn bị dự án về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này (không kể thời gian do các lý do bất khả kháng), nếu cơ quan chuẩn bị dự án không thực hiện việc khắc phục, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận lại hồ sơ trình thẩm định theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy trình này. Trường hợp cơ quan chuẩn bị dự án nộp lại hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, thời hạn thẩm định được tính lại từ đầu theo quy định.

5. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng phải được thẩm tra thiết kế xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật số 135/2025/QH15; đối với các công trình còn lại, cơ quan chủ trì thẩm định được yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra hoặc mời tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định. Chi phí thuê tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư và do cơ quan chuẩn bị dự án hoặc chủ đầu tư chi trả.

6. Việc đóng dấu hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng và trả kết quả được thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định đóng dấu xác nhận các nội dung đã được thẩm định của 01 bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng. Mẫu dấu thẩm định theo quy định tại Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

b) Đối với hồ sơ trình thẩm định được kết luận đủ điều kiện tổng hợp, trình phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận trên các bản vẽ thiết kế xây dựng có liên quan của 01 bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận kết quả thẩm định gồm kết quả thẩm định và hồ sơ bản vẽ đã được đóng dấu xác nhận thẩm định;

c) Đối với hồ sơ trình thẩm định được kết luận chưa đủ điều kiện hoặc chỉ đủ điều kiện sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng, cơ quan chuẩn bị dự án nhận kết quả thẩm định gồm kết quả thẩm định và hồ sơ bản vẽ đã trình nộp (không đóng dấu thẩm định);

d) Trường hợp hồ sơ trình thẩm định được kết luận chỉ đủ điều kiện sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuẩn bị dự án chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, nộp văn bản đề nghị đóng dấu kèm hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng đã chỉnh sửa, hoàn thiện đến cơ quan chủ trì thẩm định. Cơ quan chủ trì thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận bản vẽ đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu nêu tại kết quả thẩm định.

đ) Mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Mẫu số 07, Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; mẫu văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

7. Việc lưu trữ hồ sơ sau khi có kết quả thẩm định được quy định như sau:

a) Khi kết thúc công tác thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản một số tài liệu gồm: Văn bản đề nghị thẩm định; hồ sơ trình thẩm định; kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Các bản vẽ đã đóng dấu thẩm định được giao lại cho cơ quan chuẩn bị dự án; cơ quan chuẩn bị dự án có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này. Cơ quan chuẩn bị dự án có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .pdf) bản vẽ thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định.

Điều 6. Thời gian thẩm định

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện thẩm định theo khoảng thời gian như sau:

1. Đối với hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Không quá 25 ngày làm việc đối với dự án nhóm A có công trình cấp I trở lên; không quá 20 ngày làm việc đối với các dự án nhóm A còn lại;

b) Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B có công trình cấp I trở lên; không quá 16 ngày làm việc đối với các dự án nhóm B còn lại;

c) Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C có công trình cấp I trở lên; không quá 12 ngày làm việc đối với các dự án nhóm C còn lại.

2. Đối với hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: không quá 12 ngày làm việc.

Điều 7. Quy trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án

1. Đối với dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được cơ quan chuẩn bị dự án bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định (nếu có) và bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- Tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có); ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có); ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Trình người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án.

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án.

c) Tờ trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy trình này; Quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Đối với dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Giao chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng theo Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

3. Đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Cơ quan chuẩn bị dự án tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định, hoàn thiện tổng mức đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (nếu có), có trách nhiệm:

- Tổng hợp ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có); ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Trình người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án.

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án. Khi phê duyệt dự án, giao chủ đầu tư đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

c) Tờ trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy trình này; Quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ dự án đã trình thẩm định, phê duyệt hoặc thẩm định điều chỉnh, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trước ngày Quy trình này có hiệu lực và đủ điều kiện thẩm định nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định thì việc thực hiện thẩm định, trình phê duyệt của cơ quan chủ trì thẩm định được tiếp tục thực hiện theo

Quy trình kèm theo Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; trường hợp không đủ điều kiện thẩm định hoặc kết quả thẩm định là không đủ điều kiện trình phê duyệt, chủ đầu tư phải hoàn thiện các yêu cầu và trình thẩm định, phê duyệt lại theo quy định tại Quy trình này.

2. Các hồ sơ dự án đã được cơ quan chủ trì thẩm định thông báo kết quả thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trước ngày Quy trình này có hiệu lực thì không phải trình thẩm định lại, các hoạt động tiếp theo thực hiện theo Quy trình này.

3. Các hồ sơ dự án đã trình phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trước ngày Quy trình này có hiệu lực thì không phải trình phê duyệt lại.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thẩm định, thẩm định điều chỉnh và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh của Quy trình này theo thẩm quyền; kịp thời xem xét, giải quyết các phát sinh, vướng mắc (nếu có), tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm thực hiện việc công bố, công khai thủ tục hành chính nội bộ theo quy định.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy trình này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng các văn bản khác thì nội dung viện dẫn được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục

MẪU TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT, PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Mẫu số 01	Tờ trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Mẫu số 02	Tờ trình phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày … tháng … năm …*

TỜ TRÌNH

Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan……

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); vị trí xây dựng công trình; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); diện tích sử dụng đất của dự án.

5. Người quyết định đầu tư:

6. Chủ đầu tư:

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh; nhà thầu tư vấn thẩm tra, nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có): (tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)

8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính, các hạng mục công trình khác (nếu có) của dự án.

Quy mô các công trình của dự án (trường hợp chỉ phê duyệt theo giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình).

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Chi phí đầu tư xây dựng giai đoạn thực hiện, phân kỳ đầu tư, một hoặc một số công trình.

12. Thời gian thực hiện dự án; giai đoạn thực hiện dự án hoặc phân kỳ đầu tư (nếu có):

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

15. Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP (trường hợp có đề xuất phân chia gói thầu):

16. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có):

17. Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ (nếu có):

18. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

19. Các nội dung khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: (liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Quy trình này).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

- Nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

- Tổng mức đầu tư;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng được chủ đầu tư xác nhận làm cơ sở cho việc thẩm định (nếu có).

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát xây dựng; nhà thầu lập tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh; nhà thầu tư vấn thẩm tra, nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*……, ngày … tháng … năm …*

TỜ TRÌNH

Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan……

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

3. Mã định danh (nếu có):

4. Địa điểm xây dựng dự án (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (ghi địa danh cấp xã, tỉnh); diện tích sử dụng đất của dự án:

5. Người quyết định đầu tư:

6. Chủ đầu tư:

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; nhà thầu tư vấn thẩm tra, nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có):

(tên nhà thầu, mã số doanh nghiệp)

8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính, các hạng mục công trình (nếu có) của dự án.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

12. Thời gian thực hiện dự án; giai đoạn thực hiện dự án hoặc phân kỳ đầu tư (nếu có):

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

16. Các nội dung khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: (liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy trình này).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; quy trình bảo trì, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có);

- Nhiệm vụ thiết kế xây dựng;

- Tổng mức đầu tư;

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng được chủ đầu tư xác nhận làm cơ sở cho việc thẩm định (nếu có).

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát xây dựng; nhà thầu lập tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; nhà thầu tư vấn thẩm tra, nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)